

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HC-PT

Ngày: 22/02/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý thuế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Võ Ngọc Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 253/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2024/QĐPT-HC ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Huỳnh Thị Bích L; cư trú tại: Số G đường H, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Đình P; cư trú tại: Tổ G, khu phố A, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên lạc: Số D đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Bích L (Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2023), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề ngày 19/02/2024, do ông Lê Đình P ký.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N - Luật sư đang hoạt động tại Công ty L1 - Chi nhánh thành phố Q thuộc

Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số D đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 19/02/2024, do bà Nguyễn Thị N ký.

- *Người bị kiện:*

1. Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Định, vắng;
2. Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định;
3. Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Minh H - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q (Văn bản ủy quyền số 2339/GUQ-CCTTP ngày 22/5/2023).

Chi cục trưởng cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định có Văn bản số 241/CCTTP-KTNDP ngày 16/02/2024 do Chi cục trưởng Nguyễn Quốc T ký, xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Tôn T1 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Q là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (Văn bản ủy quyền số 17/GUQ-UBND ngày 15/5/2023), vắng.

2. Ông Lê Văn C; cư trú tại: Số G đường H, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng.

Người kháng cáo: Người khởi kiện Huỳnh Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích L và người đại diện hợp pháp của bà L là ông Lê Đình P thống nhất trình bày:

Theo Quyết định số 5999/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giao đất xây dựng nhà ở cho ông Lê Văn C và bà Huỳnh Thị Bích L (viết tắt là Quyết định số 5999) thì vợ chồng bà L được giao lô đất số 09, diện tích 54,9m² (viết tắt là lô đất số 09) thuộc đường Quy hoạch rộng 08m tại Khu Q, phường H, thành phố Q (viết tắt là Khu Q) để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở.

Theo Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB2250701-TK0007524/TB-CCT ngày 11/5/2022 của Chi cục thuế thành phố Q (viết tắt là Thông báo nộp tiền) thì giá đất tính tiền sử dụng đất là 7.000.000 đồng/m², tổng số tiền sử dụng đất hộ bà L phải nộp là 384.300.000 đồng.

Nhận thấy, việc Chi cục thuế thành phố Q (viết tắt là C) lấy giá đất 7.000.000 đồng/m² để tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp của hộ bà L là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của hộ bà L nên ngày 02/6/2022, bà L gửi đơn khiếu nại lần đầu đối với Thông báo nộp tiền. Đơn khiếu nại của bà L đề nghị Chi cục trưởng C xem xét điều chỉnh giá đất thu tiền sử dụng đất đối với hộ bà L là 2.000.000 đồng/m² như quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (viết tắt là Nghị định số 45).

Trong thời gian chờ đợi Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố giải quyết khiếu nại lần đầu, bà L đã nộp đủ tiền sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền vào ngày 09/6/2022.

Ngày 21/6/2022, bà L nhận được Quyết định số 927/QĐ-CCTTP ngày 21/6/2022 của Chi cục trưởng C (viết tắt là Quyết định số 927); nội dung của quyết định trên là không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà L, C ban hành Thông báo nộp tiền đối với hộ bà L với số tiền sử dụng đất phải nộp 384.300.000 đồng là đúng quy định.

Không đồng ý Quyết định số 927, bà L tiếp tục khiếu nại lần hai đến Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Định (viết tắt là Cục trưởng Cục thuế tỉnh). Ngày 29/9/2022, bà L nhận được Quyết định số 1011/QĐ-CTBDI ngày 26/9/2022 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh (viết tắt là Quyết định số 1011) về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà L; quyết định trên có nội dung là công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 927.

Theo Thông báo nộp tiền thì số tiền mà vợ chồng bà L phải nộp là 384.300.000 đồng. Bà L nhận thấy việc C áp giá theo đơn giá 7.000.000 đồng/m² (theo giá đất tại thời điểm năm 2022) để tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp của hộ bà L là chưa phù hợp; bởi lẽ:

- Theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 45 thì trường hợp hộ gia đình, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất làm nhà ở từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày Nghị định số 45 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2014) mà chưa nộp tiền sử dụng đất thì chỉ phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất và nộp tiền chậm nộp (tùy từng trường hợp).

- Vợ chồng bà L được Ủy ban nhân dân thành phố Q (viết tắt là UBND thành phố) giao 54,9m² đất ở theo Quyết định số 5999 ngày 31/8/2011 và đến ngày 11/5/2022, vợ chồng bà L chưa nộp tiền sử dụng đất. Lẽ ra, giá đất để tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp của hộ bà L là giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất là 2.000.000 đồng/m² (theo giá đất năm 2011 tại Khu quy hoạch dân cư Cảng Q (đường lộ giới 08m) tại Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành bảng giá đất năm 2011 trên địa bàn tỉnh Bình Định (viết tắt là Quyết định số 29).

Việc C áp giá theo đơn giá 7.000.000 đồng/m² (theo giá đất tại thời điểm năm 2022) trong trường hợp này là trái nguyên tắc áp dụng pháp luật quy định tại Điều 20 của Nghị định số 45. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền, Quyết định số 927 và Quyết định số 1011; buộc C xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp bà L theo quy định, hoàn trả số tiền sử dụng đất đã nộp thừa và tiền lãi.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện, ông Nguyễn Đ - Cục trưởng Cục thuế tỉnh trình bày:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 264/PC-TNMT ngày 28/4/2022 (viết tắt là Phiếu chuyển số 264) của Phòng T2 trường thành phố Q (viết tắt là Phòng T2 trường thành phố) đối với hộ ông Lê Văn C và bà Huỳnh Thị Bích L, C đã ban hành Thông báo nộp tiền với số tiền là 384.300.000 đồng (54,9m² x 7.000.000 đồng/m²).

Do không đồng ý về việc xác định giá đất tại thông báo trên, ngày 02/6/2022, bà L gửi đơn khiếu nại lần đầu đến Chi cục trưởng C. Tuy nhiên, ngày 09/6/2022, ông C (đại diện hộ bà L) đã chấp hành Thông báo nộp tiền, nộp đủ số tiền trên.

Chi cục trưởng C đã giải quyết đơn khiếu nại của bà L tại Quyết định số 927; nội dung là không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà L.

Không đồng ý Quyết định số 927, bà L tiếp tục khiếu nại lần hai đến Cục trưởng Cục thuế tỉnh vào ngày 28/6/2022.

Xét thấy vụ việc khiếu nại của bà L phức tạp vì liên quan đến Quyết định số 2632/QĐ-CTUB ngày 14/9/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là Quyết định số 2632) về việc thu hồi đất của Cảng Q giao cho UBND thành phố để giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở. Căn cứ Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 26/6/2016 của Bộ Tài Chính và Bộ TN&MT (viết tắt là Thông tư liên tịch số 88), Cục thuế tỉnh đã có văn bản hỏi UBND thành phố về trường hợp xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất đối với hộ bà L. UBND thành phố có Văn bản trả lời số 2917/UBND-TN ngày 30/8/2022 (viết tắt là Văn bản số 2917) xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất 7.000.000 đồng/m² là đúng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ Văn bản số 2917, Cục trưởng Cục thuế tỉnh đã ban hành Quyết định số 1011 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà L; quyết định trên có nội dung là công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 927.

Ý kiến của Cục trưởng Cục thuế tỉnh đối với yêu cầu khởi kiện của bà L như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 5999, giao Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q (viết tắt là UBND phường H) thông báo cho người được giao đất nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất. Như vậy, thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) và thực hiện nghĩa vụ tài chính là năm 2011. Tuy nhiên, người sử dụng đất đã không thực hiện đúng thời điểm mà kéo dài sau 11 năm (2022) mới đi làm thủ tục về thuế là không đúng quy định nêu trên của UBND thành phố.

- Cơ quan Thuế không phải là cơ quan định giá đất mà chỉ chấp hành theo quyết định của UBND thành phố.

- Khi nhận Quyết định số 5999 thì người sử dụng đất có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (tức nộp tiền sử dụng đất) theo quy định về trách nhiệm của người sử dụng đất tại Thông tư liên tịch số 88 nhưng hộ ông C và bà L không thực hiện mà đến năm 2022 mới tiến hành làm thủ tục đăng ký cấp GCN.

Căn cứ khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý Thuế (viết tắt là Nghị định số 126) quy định ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước của các khoản thu về đất:

“6. Tiền sử dụng đất

a) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất mà hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất theo quy định tại cơ chế một cửa liên thông đồng thời là hồ sơ khai thuế: Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

b) Ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước được xác định như sau:

b.1) Trường hợp được Nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là ngày quyết định giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

....”

Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45:

“Các trường hợp phát sinh nghĩa vụ về tiền sử dụng đất kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-

CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và hướng dẫn tại Thông tư này”.

Khoản 1 Điều 156 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.

Điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất quy định về giá đất tính thu tiền sử dụng đất: “Trường hợp người sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là GCN) đang sử dụng hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng của đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc theo mục đích sử dụng của đất sau khi chuyển mục đích sử dụng tại thời điểm kê khai và nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin chuyển mục đích sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Thì gia đình ông C và bà L được giao đất tại Quyết định số 5999 trước ngày 01/7/2014 (ngày có hiệu lực của Nghị định số 45) nhưng đến ngày 28/4/2022 (ngày Phiếu chuyển số 264) hộ ông C nộp đủ thủ tục cấp GCN nên xác định giá đất thu tiền sử dụng tại thời điểm làm thủ tục đăng ký cấp GCN là thời điểm xác định nghĩa vụ tài chính năm 2022 là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Phạm Minh H - Phó Chi cục trưởng C trình bày:

Cơ sở ban hành Thông báo nộp tiền với số tiền 384.300.000 đồng đối với hộ ông Lê Văn C, bà Huỳnh Thị Bích L:

- Phiếu chuyển số 264; cụ thể: Tên người sử dụng đất: Hộ gia đình ông Lê Văn C và bà Huỳnh Thị Bích L; địa chỉ thửa đất: Lô I đường H, Khu Q; vị trí theo bảng giá đất: 2022; vị trí thửa đất: mặt tiền; diện tích thửa đất: 54,9m².

C đã ban hành Thông báo nộp tiền đối với hộ ông Lê Văn C, bà Huỳnh Thị Bích L, mã số thuế 8754643046, với số tiền phải nộp ngân sách Nhà nước là 384.300.000 đồng (54,9m² x 7.000.000 đồng/m²); trong đó: 54,9m² là diện tích thửa đất, 7.000.000 đồng/m² là giá 1m² đất ở của đường H (theo Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định (viết tắt là Quyết định số 65).

- Căn cứ Quyết định số 5999 của UBND thành phố về việc giao đất xây dựng nhà ở cho ông Lê Văn C và bà Huỳnh Thị Bích L.

- Biên bản cuộc họp Hội đồng xét duyệt và xử lý nhà đất thành phố ngày 08/6/2011 xét các trường hợp giao đất ở tại Khu quy hoạch dân cư Cảng Q (đợt 4).

Người đại diện hợp pháp của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Tôn T1 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố Q trình bày:

Căn cứ Quyết định số 2632 về việc thu hồi đất của Cảng Q giao cho UBND thành phố để giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở; Quyết định số 5793/QĐ-CTUB ngày 03/12/2008 của UBND thành phố (viết tắt là Quyết định số 5793) về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết công trình Khu Q; Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 10/11/2009 của UBND thành phố (viết tắt là Tờ trình số 261) về việc xin chủ trương giao đất có thu tiền sử dụng đất các hộ gia đình thuộc dự án quy hoạch dân cư Cảng Q và phương án kèm theo tờ trình nói trên. Theo đó, đối tượng giao đất là 83 hộ đang sử dụng đất có nhà trong Khu Q và 23 hộ hiện đang ở tại Khu văn phòng Cảng cũ.

Về đơn giá đất để thu tiền sử dụng đất: Tiền sử dụng đất phải nộp = Diện tích đất được giao x Đơn giá đất quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND tỉnh) tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng xét duyệt và xử lý nhà đất thành phố ngày 08/6/2011 xét các trường hợp giao đất ở tại Khu quy hoạch dân cư Cảng Q (đợt 4), trong đó có hộ ông C và bà L (địa chỉ thường trú: Tổ E, khu V, phường H, thành phố Q; số nhân khẩu thực tế: 04 người). Kết luận: Thống nhất theo đề xuất của Tổ công tác tại Báo cáo số 15/BC-TNMT ngày 07/6/2011 về việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại Khu Q (đợt 4). Giao cho hộ ông C và bà L lô đất số 09, diện tích 54,9m², đường quy hoạch rộng 08m và phải nộp tiền sử dụng đất theo giá quy định hiện hành tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

Căn cứ các hồ sơ trên, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5999 về việc giao đất xây dựng nhà ở cho ông Lê Văn C và bà Huỳnh Thị Bích L. Trình tự, thủ tục và căn cứ để UBND thành phố giao đất xây dựng nhà ở cho ông C và bà L theo quyết định trên là đúng quy định.

Việc giao đất nói trên cho ông C và bà L có thu tiền sử dụng đất theo phương án kèm theo Tờ trình số 261. Đơn giá thu tiền sử dụng đất: Tiền sử dụng đất phải nộp = Diện tích đất được giao x Đơn giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

Số tiền sử dụng đất vợ chồng ông C và bà L phải nộp là 54,9m² x 7.000.000 đồng/m² = 384.300.000 đồng. Ông C đã nộp đủ số tiền trên vào ngày 09/6/2022.

Căn cứ tờ khai thu tiền sử dụng đất và tờ khai thu tiền lệ phí trước bạ nhà, đất, Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố ban hành Phiếu chuyển số 264 về việc chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Tại thời điểm vợ chồng ông C và bà L đăng ký nộp tiền cho Phòng T2 trường thành phố Q năm 2022, giá đất hiện hành theo Quyết định số 65, theo đó đơn giá 1m² đất ở của đường H (theo quy hoạch phê duyệt là đường quy hoạch lộ giới 08m) là 7.000.000 đồng/m².

Cho đến nay, Khu quy hoạch dân cư Cảng Q đã có nhiều hộ dân thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất. Đơn giá đất các hộ dân nộp tiền là tùy thuộc vào thời điểm các hộ dân đăng ký kê khai nộp tiền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn C trình bày:

Ông thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L. Ngoài ra, ông không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý Thuế; Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 26/6/2016 của Bộ Tài Chính và Bộ TN&MT; Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 25/02/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục THUẾ về việc ban hành quy trình giải quyết đơn khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp; Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục THUẾ; Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của C, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục thuế khu vực trực thuộc Cục thuế tỉnh, thành phố; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L về việc yêu cầu Tòa án hủy: Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB2250701-TK0007524/TB-CCT ngày 11/5/2022 của Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 927/QĐ-CCTTP ngày 21/6/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1011/QĐ-CTBDI ngày 26/9/2022 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L về việc yêu cầu Tòa án buộc Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp bà Huỳnh Thị Bích L theo quy định, hoàn trả số tiền sử dụng đất đã nộp thừa và tiền lãi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bích L, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lê Đình P là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người bị kiện Cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định và Chi cục trưởng Cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định có văn bản xin xét xử vắng mặt; người bị kiện Cục trưởng cục thuế tỉnh Bình Định vắng không có lý do. Xét thấy, đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, người khởi kiện và người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng người bị kiện Cục trưởng cục thuế tỉnh Bình Định vắng mặt không có lý do nhưng không có kháng cáo, do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Người khởi kiện không rút kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3] Bà Huỳnh Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB 2250701-TK0007524/TB-CCT ngày 11/5/2022 của Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 927/QĐ-CCTTP ngày 21/6/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1011/QĐ-CTBDI ngày 26/9/2022 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Định; buộc C xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp của bà theo quy định, hoàn trả số tiền sử dụng đất đã nộp thừa và tiền lãi (sau đây gọi tắt là Thông báo nộp thuế; Quyết định 927; Quyết định 1011). Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện. Bà Huỳnh Thị Bích L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng hủy Thông báo nộp thuế, hủy các Quyết định 927 và Quyết định 1011 vì bà cho rằng buộc bà nộp thuế theo thời điểm năm 2022, với mức giá tiền phải nộp 7.000.000 đồng/m² đất là không đúng mà phải là tại thời điểm khi có quyết định giao đất năm 2011, với mức giá 2.000.000 đồng/m².

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ Phiếu chuyển số 264 về việc chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với ông C và bà L thì số tiền sử dụng đất phải nộp là 384.300.000 đồng (54,9m² x 7.000.000 đồng/m²) (theo Điều 2 của Quyết định số 5999 và Quyết định số 65). Căn cứ phiếu chuyển trên, C đã ban hành Thông báo nộp tiền đối với vợ chồng ông C, bà L số tiền 384.300.000 đồng (54,9m² x 7.000.000 đồng/m²).

Bà L không đồng ý Phiếu chuyển số 264 và Thông báo nộp tiền trên vì cho rằng theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 45 thì trường hợp hộ gia đình, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất làm nhà ở từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày Nghị định số 45 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2014) mà chưa nộp tiền sử dụng đất thì chỉ phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất và nộp tiền chậm nộp (tùy từng trường hợp); vợ chồng bà được UBND thành phố giao 54,9m² đất ở theo Quyết định số 5999 ngày 31/8/2011 và đến ngày 11/5/2022, vợ chồng bà L chưa nộp tiền sử dụng đất, giá đất để tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp của gia đình bà là giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất là 2.000.000 đồng/m² (theo giá đất năm 2011 tại Khu quy hoạch dân cư Cảng Q (đường lộ giới 08m) tại Quyết định số 29 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá đất năm 2011 trên địa bàn tỉnh Bình Định nên đã thực hiện việc khiếu nại lần đầu đến Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố và khiếu nại lần hai Cục trưởng Cục thuế tỉnh. Ngoài ra, trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, ngày 09/6/2022, ông C (đại diện hộ gia đình bà L) đã chấp hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất và nộp đủ số tiền trên.

Phòng T2 trường thành phố xác định đơn giá đất để thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp ông C và bà L là 7.000.000 đồng/m² theo Quyết định số 65 là đúng quy định, bởi lẽ:

Tại Tờ trình số 261 về việc xin chủ trương giao đất có thu tiền sử dụng đất các hộ gia đình thuộc dự án quy hoạch dân cư Cảng Q và phương án kèm theo tờ trình nói trên thì đối tượng được giao đất là 83 hộ đang sử dụng đất có nhà trong Khu Q và 23 hộ hiện đang ở tại Khu văn phòng Cảng cũ; tiền sử dụng đất phải nộp = Diện tích đất được giao x đơn giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng xét duyệt và xử lý nhà đất thành phố ngày 08/6/2011 xét các trường hợp giao đất ở tại Khu quy hoạch dân cư Cảng Q (đợt 4), trong đó có hộ ông C và bà L; kết luận: Thống nhất theo đề xuất của Tổ công tác tại Báo cáo số 15/BC-TNMT ngày 07/6/2011 về việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại Khu Q (đợt 4). Giao cho hộ ông C và bà L lô đất số 09, diện tích 54,9m², đường quy hoạch rộng 08m và phải nộp tiền sử dụng đất theo giá quy định hiện hành tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất. Ngày 31/8/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 5999 về việc giao đất xây dựng nhà ở cho ông C và bà L.

Việc giao đất nói trên cho ông C và bà L có thu tiền sử dụng đất theo phương án kèm theo Tờ trình số 261. Đơn giá thu tiền sử dụng đất: Tiền sử dụng đất phải nộp = Diện tích đất được giao x Đơn giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

[5] Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện cho rằng C áp giá theo đơn giá 7.000.000 đồng/m² (theo giá đất tại thời điểm năm 2022) là trái nguyên tắc áp dụng pháp luật quy định tại Điều 20 Nghị định 45/NĐ-CP. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mặc dù theo Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định:

“Tổ chức, kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá thì tiền sử dụng đất được nộp phải xác định bằng giá đất tính thu tiền sử dụng đất theo mục đích đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất”.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế, quy định:

“6. Tiền sử dụng đất

a. Đối với trường hợp được Nhà Nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất mà hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất theo quy định tại cơ chế một cửa liên thông đồng thời là hồ sơ khai

thuế: Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

b. Ngày phát sinh nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước xác định như sau:

b.1. Trường hợp nhà nước giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là ngày quyết định giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”.

Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP:

“Các trường hợp phát sinh nghĩa vụ về tiền sử dụng đất kể từ ngày 01/7/2014 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này”.

Khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.

Điều b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/NĐ-CP, quy định:

“Trường hợp người sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đang sử dụng hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng của đất khi được cấp giấy CNQSDĐ hoặc theo mục đích sử dụng của đất sau khi chuyển mục đích sử dụng tại thời điểm kê khai và nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp GCNQSDĐ, xin chuyển mục đích sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”.

Gia đình ông C, bà L được giao đất tại Quyết định số 5999/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND thành phố Q, trước ngày 01/7/2014 (ngày có hiệu lực của Nghị định 45/2014/NĐ-CP) nhưng đến ngày 28/4/2022 (ngày Phiếu chuyển số 264) hộ ông C đủ thủ tục cấp GCNQSDĐ nên xác định giá đất thu tiền sử dụng đất tại thời điểm làm thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ là thời điểm xác định nghĩa vụ tài chính năm 2022 là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Phiếu chuyển số 264 của Phòng T2 trường thành phố xác định đơn giá đất để thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp ông C và bà L là 7.000.000 đồng/m² là đúng quy định. Căn cứ phiếu chuyển nói trên, C đã ban hành Thông báo nộp tiền đối với vợ chồng ông C, bà L số tiền 384.300.000 đồng (54,9m² x 7.000.000 đồng/m²); Chi cục trưởng C ban hành Quyết định số 927 về việc giải quyết khiếu nại lần

đầu của bà L, nội dung là không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà L đối với Thông báo nộp tiền và Cục trưởng Cục thuế tỉnh ban hành Quyết định số 1011 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà L, nội dung là không công nhận và giữ nguyên Quyết định số 927 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích L, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý Thuế; Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 26/6/2016 của Bộ Tài Chính và Bộ TN&MT; Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 25/02/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục THUẾ về việc ban hành quy trình giải quyết đơn khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp; Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục THUẾ; Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của C, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục thuế khu vực trực thuộc Cục thuế tỉnh, thành phố; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L về việc yêu cầu Tòa án hủy: Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB2250701-TK0007524/TB-CCT ngày 11/5/2022 của Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 927/QĐ-CCTTP ngày 21/6/2022 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1011/QĐ-CTBDI ngày 26/9/2022 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích L về việc yêu cầu Tòa án buộc Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp bà Huỳnh Thị Bích L theo quy định, hoàn trả số tiền sử dụng đất đã nộp thừa và tiền lãi.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000366 ngày 08/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường